

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ II

Môn Tiếng Anh lớp 8

Năm học: 2017 – 2018

1: Vocabularies from unit 9 to unit 15 (Từ vựng từ bài 9 đến bài 15).

2: Prepositions (giới từ):

* Thời gian

* Nơi chốn

* Adjectives + giới từ

* Averbs + giới từ

- keen on, find out, thank for, cheer so up, come out, agree with, point out, proud of, fond of, skeptical about/of, pick so up, interested in, take part in, base on, participate in, think of/about, agree with, calm down, throw away, look forward to, spend on

3: Reported speech: (Tường thuật lời nói):

S + said + (that) + S + V + O.

S + told + O + (that) + S + V + O.

S + said + to + O + (that) + S + V + O.

* Đổi ĐTNX, ĐTSH, TTSH sao cho tương ứng với chủ ngữ or tân ngữ của mệnh đề chính.

- ĐTNX (*personal pronouns*)

Chủ từ (subject)

I → he, she

We → they

You → I, we

Tân ngữ (object)

me → him, her

us → them

you → me, us

- ĐTSH (*possessive pronouns*)

mine → his, hers

ours → theirs

yours → mine, ours

- TTSH (*possessive adjectives*)

my → his, her

our → their

your → my, our

- Khi tường thuật lời nói của chính mình, đại từ và tính từ sở hữu không đổi.

Ex: I said, " I like my new house".

→ I said (that) I liked my new house.

- Đổi thì của động từ thành thì quá khứ tương ứng:

DIRECT SPEECH	INDIRECT SPEECH
Present simple Tom said, "I never eat meat."	Past simple Tom said (that) he never ate meat.
Present progressive He said , "I'm waiting for Ann."	Past progressive He said he was waiting for Ann.
Future simple Judy said, "I'll phone you,"	Future in the past Judy said she would phone me.
Modal verbs + Can She said, "You Can Sit here." + May Claire said, "I may go to Bali again." + Must He said, "I must finish this report."	Modal verbs + Could She said we could sit there. + Might Claire said she might go to Bali again. + Must/ Had to He said he must/ had to finish that report.

- Đổi một số tính từ chỉ định và trạng từ or cụm trạng từ chỉ nơi chốn, thời gian.

DIRECT SPEECH	INDIRECT SPEECH
This	That
These	Those
Here	There
Now	Then, at that time
Today	That day
Yesterday	The day before, the previous day
The day before yesterday	Two days before
Tomorrow	The day after, the next/following day
The day after tomorrow	Two days after, in two day's time
Ago	Before
This week	That week
Last week	The week before, the previous week
Next week	The week after, the following week

* Chú ý:

- Nếu động từ tường thuật ở thì hiện tại thì của động từ chính được giữ nguyên khi chuyển lời nói trực tiếp sang gián tiếp.

Ex; "I am arriving at about 6.00," she says. → She says (that) she is arriving at about 6.00.

- Dùng động từ say or tell: say that; say to somebody that; tell somebody that.

- Động từ giới thiệu trong lời nói gián tiếp thường ở quá khứ và liên từ that có thể được bỏ.

- Tell + tân ngữ (object) thường được dùng hơn say to + tân ngữ.

Exercises:

1. "I am a good student." Lan said.

→

2. "I'm living in London now". Jim said.

→

3." You are my best friends," Jane said to us.

→

4." I must go home now," he said to his friends.

→

5. " I will come and see you as soon as I can," she said to me.

→

6. " John wants to come here but he isn't very well." Tom said.

→

7. " I have to wear uniform when I am at school," Hoa said.

→

8. " I can speak English and French fluently," Nam said to Ba.

→

9." Mrs Quyên will come to San Francisco tomorrow." Mr Thanh said to me.

→

10. Mrs Vui said, " The washing machine is broken."

→

11. "I enjoy watching cartoons", Tim said.

→

12. My father said, " I like reading newspaper in the early morning."

→

4. Reported Yes/No questions:

S + asked + O + if / whether + S + Ved/2...

- Muốn đổi câu hỏi Yes/No question từ trực tiếp sang gián tiếp ta cũng phải đổi ba yếu tố giống như câu trần thuật.

* Đổi đại từ nhân xưng, đại từ sở hữu.

* Đổi thì của động từ.

* Đổi trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn.

* If/ whether: có nghĩa là: “có.....không”.

Exercises:

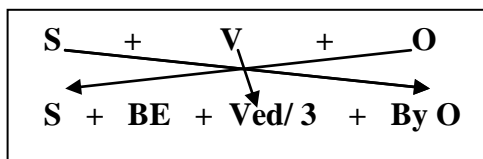
1. “Is Hoi An an ancient city in Vietnam, Lan? Susan said.
→
2. Miss Ngan said to me, “Is Phong Nha cave in Quang Binh province?”
→
3. My father said, “Is Ha Long Bay in the north of Vietnam, Tuan?”
→
4. “Is it far from Ha Noi?” Long said to Mai.
→
5. “ Are there any trees behind the house, Minh?” Nam said.
→
6. Tim said, “Do you know My Son, Nga?”
→
7. “Do many people live at My Son?, The tourists asked us.
→
8. Mr Robinson said, “Does your mother work at a school, Phong?”
→
9. “Do you want to visit Hue ?” My father said.
→
10. “Does your father like coffee?”, my teacher said to Hai.
→
11. “Can you speak Chinese, Nam?, Mr Binh said.
→
12. He said to me, “Will you come here soon?”
→
13. Miss Smith said,” Can you fix the faucets , Tuan?”
→
14. “Will you hang the pictures on the wall?” I said to Hung.
→

5. Passive Voice: (Thể Bị Động)

1. General Formation (Công thức tổng quát)

Active:

Passive:



(Ved/ 3 = Past participle)

- * **Present continuos:** S + am/is/are + being + Ved/3 + (by O)
- * **Simple past:** S + was / were + Ved/3 + (by O)
- * **Simple future:** S + will/shall + be + Ved/3 + (by O)
- * **Present perfect:** S + have / has + been + Ved/3 + (by O)
- * **Modal verbs:** S + can / should / must /be going to ... + be + Ved/3 + (by O)

1. Someone broke my glasses yesterday.
→
2. They built this school last year.
→
3. He wrote these poems three years ago.
→
4. Miss Thao taught us last semester.
→
5. Minh took a lot of photos last summer.
→
6. They held the rice-cooking festival in the communal house yard.
→
7. She ate the cakes on the table.
→
8. They practiced speaking English last night.
→
9. My father brought the flowers in the living room.
→
10. Minh collected the old paper yesterday.
→
11. He will send this parcel to Quy Nhon.
→
12. Mrs Vui will buy some new dishes.
→
13. Mr Lam will teach me next week.
→
14. They will repaint the school gate tomorrow.
→
15. She will take some photos.
→
16. Nam will hang the clothes for his mom.
→
17. People will plant some trees along street.
→
18. They will construct a big mall in my village.
→
19. I will take part in many outdoor activities.
→
20. She will do the housework tomorrow.
→
21. My mother is cooking some chicken in the kitchen.
→
22. They are building a shopping mall in my village.
→
23. Mr Binh is teaching English in class 8a5.
→
24. The students are sweeping the school yard now.
→
25. I am painting the gate green.

-
- 26. They are repairing the computer in the room.
→
- 27. Mr Thinh is visiting many famous places in San Francisco.
→
- 28. My brother is sending some postcards to his friends.
→
- 29. People are planting many trees along streets.
→
- 30. She is hanging the washed clothes.
→
- 31. He has done his homework recently.
→
- 32. They have finished their work.
→
- 33. She has taught English since 1997.
→
- 34. Miss White has learnt to make pancakes.
→
- 35. Nobody has used this room for ages.
→
- 36. Someone has brought that chair into the living room.
→
- 37. Mrs Nga has bought buys some new bowls.
→
- 38. The cat has eaten all the fish in the pan.
→
- 39. They have taught the children to ride the bike.
→
- 40. Nam has written a lot of cards on Christmas Day.
→
- 41. He can speak English and French fluently.
→
- 42. The students in my school must wear uniforms.
→
- 43. The children shouldn't drink wine or beer.
→
- 44. My father can fix the washing machine.
→
- 45. You should eat more fruit and vegetables.
→
- 46. He is going to see a movie tonight.
→
- 47. They are going to build a big mall in my village.
→
- 48. She is going to decorate her house before Christmas.
→
- 49. Mrs Robinson can make spring rolls.
→

50. Mr Hai shouldn't smoke cigarettes.

→

6. Present progressive tense with always: (Thì hiện tại tiếp diễn với always): Dùng để than phiền.

S + am/is/are + always + Ving...

- Ba **is always forgetting** his homework.
- They **are always going** to school late.

7. In order (not) to + V_{BI}... (Để / để không)

So as (not) to + V_{BI}...

- Nam gets up early every morning. He doesn't want to be late for school.
- He moved to the front row. He could hear the speaker better.
- We hurried to school. We didn't want to be late.

8. Present participle (Hiện tại phân từ): Verb + ing

* HTPT có thể được dùng để thay cho mệnh đề quan hệ khi động từ trong mệnh đề ở thể chủ động.

Ex: The man who standing over there is my teacher.

→ The man **standing** over there is my teacher.

9. Past participle (Quá khứ phân từ) Verb + ed/3

* QKPT có thể được dùng để thay cho mệnh đề quan hệ khi động từ trong mệnh đề ở thể bị động.

Ex: The toys which were made in China are cheap

→ The toys **made** in China are cheap.

10. Perfect tense. Thì hiện tại hoàn thành

* Dấu hiệu nhận biết : since , for , not....yet ,yet ? , lately = recently(gần đây) , so far = since then = up to now (từ đó đến nay) , just(vừa mới) , already(rồi) , never , ever , it is the first (second ...) time.

* Công thức: **S + have/has + Ved/3....**

S + haven't/hasn't + Ved/3....

Have/Has + S + Ved/3....?

* Already: (đã...rồi) Thường dùng trong câu khẳng định để diễn đạt điều gì đó xảy ra sớm hơn mong đợi hoặc để nhấn mạnh 1 hành động đã được hoàn tất. Already thường đứng sau have/has.

* Yet: (chưa) chỉ dùng trong câu phủ định và nghi vấn, đứng cuối câu.

* Since + mốc thời gian.

* For + khoảng thời gian.

11. Simple past tense (Thì quá khứ đơn):

Cấu trúc:

* To be:

a) Affirmative: - I, She, He, It, Mary + was - You, We, They + were	b) Negative - I, She, He, It, Mary + wasn't - You, We, They + weren't	c) Interrogative - Was + I, She, He, It, Mary...? - Were + You, We, They...?
--	--	---

* Normal Verb:

a) Affirmative: - S + V ₂ ^{ED}	b) Negative: - S + didn't + V(BI)	c) Interrogative: - Did + S + V(BI)?
--	---	--

d) Adverbs:

- Yesterday
- ago
- last + noun of time
- in 2007
- When a child / boy / girl ...
- When I was / as a child...

12. Past progressive tense (Thì quá khứ tiếp diễn)

a. Cấu trúc:

S(He, She, It) + Was + Ving...
S(You, We, They) + Were + Ving...
S + wasn't / weren't + Ving...
Was / Were + S + Ving...?

b. Cách dùng:

- Hành động đang xảy ra vào 1 thời điểm xác định trong quá khứ.

Ex: Nga was doing her homework at 7. pm last Sunday.

- Hành động đã xảy ra và kéo dài trong 1 khoảng thời gian xác định trong quá khứ.

Ex: I was painting all day yesterday.

13. Past progressive with When and While: Thì quá khứ tiếp diễn với When và While:

Mrs. Thoa was cooking **when** the phone rang.

Form:

S + was/were + V_ing + When + S + V2ed

While Hoa was eating, Tuan arrived home.

Form:

While + S + was/ were + V_ing, S + V2 ed

Usage:

Diễn tả một hành động đang xảy ra trong quá khứ có một hành động khác xen vào.(hành động xảy ra trước chia ở quá khứ tiếp diễn)

Ngoài ra While còn diễn tả hai hay nhiều hành động cùng xảy ra song song.

My mother **was watching** TV While my father **was reading**.

14. Simple present(Thì hiện tại đơn).

Khẳng định S(I, you, we, they) + V + O.	Phủ định S(I, you, we, they) +don't + V + O.	Nghi vấn Do + S(I, you, we, they) + V + O?
S(He, she, it) + V_{s,es} + O.	S(He, she, it) +doesn't + V + O.	Does + S(He, she, it) + V + O?

* Trạng từ: always, usually, often, sometimes, never, every day,...diễn đạt hành động xảy ra thường xuyên, lặp đi, lặp lại nhiều lần ở hiện tại.

* Diễn đạt 1 sự thật hiển nhiên.

* Mang nghĩa tương lai nói về lịch trình của các chuyến tàu, chuyến bay, chương trình truyền hình,...

15. Simple future (thì tương lai đơn):

Khẳng định S + will / shall + V_{BI} + O.	Phủ định S + won't / shan't + V_{BI} + O.	Nghi vấn Will / Shall + S + V_{BI} + O?
--	--	--

* Trạng từ: tonight, tomorrow, next week, next Monday, one day,.....

16. Be going to + V_{BI}

17. Would you mind if I + Ved/2...

Do you mind if I + V_{BI} ...

Would you mind + Ving...

Do you mind + Ving...

Would you like + Vto...

Can/Could you?

Will/Would you ...?

I promise I'll.....

I will..... . I promise.

I promise to....

18. WH question + V_{TO}

- Nga told Nhi how to go there.
- Lan showed Nhi where to buy tickets.
- Mai told me what to do during the visit.

19. Verb + V_{TO}

(help, hope, intend, learn, like, love, mean, neglect(sao nhãng), offer, plan, prefer, prepare, promise, try, refuse, remember, seem, start, want, wish, start, begin, decide, continue, agree, try, arrange, claim, come, forget, ...)

20. Verb + Ving

(Enjoy, hate, love, like, avoid, consider, deny, dislike, finish, give up, keep, mention, mind, miss, recall, save, stop, practice, escape, delay, suggest,.....)

21. Verb + V_{BI}

(Can, could, may, might, should, shall, will, would, must, ought to, used to, let, make, see, hear, feel, watch, notice,)

22. Modal verbs:

- Can, could, must, have to, had to, would, should, ought to, used to, ...

It + be + adj + Vto...

- It is difficult to learn Japanese. → To learn Japanese is difficult. → Learning Japanese difficult.

23. ADJ + Noun clause(that clause)

S + be + adj + Noun clause (that clause)

- I am delighted that you passed your exam.

24. Compound words:

Fire – making	Rice – cooking	Water – fetching
Bull – fighting	Flowers – arranging	Rice - exporting

25. Word forms:

- Verbs, Nouns, Prepositions of time, Adjectives, Adverbs

27. Reading comprehension: (two passages or dialogues)

A- Lexical

B- True - False or Multiple choice

Topics for reading are related to famous places / vacations in Viet Nam or in the world, festivals, computers

28. Writing:

- Rewrite
- Sentence building / sentence completion
- Answer an open question (about 50 words)
 - + Write about a vacation that you have ever spent (in Viet Nam or abroad)
 - + What can you do to reduce garbage?
 - + How are computers useful to you?

Notes: The question for writing may also be different but relevant to the topics given.

29. Choose the correct answers:

1. She decidedher run because it was getting darker.

- a. continue b. continuing c. continued d. to continue

2. In thecompetition, a team member must take a bottle of water and return to their team.

- a. water – fetching b. rice - cooking c. fire - making ad. fetching - water
3. Would you mind if I.....down the music? It’s too loud in here.
a. to turn b. turn c. turning d. turned
4. I don’t think he knows how.....a computer.
a. to connect b. connecting c. connected d. connect
5. Hoa told me that she.....tired.
a. is b. was c. were d. been
6. Some students are always.....in the class.
a. to talk b. talk c. talking d. talked
7. Bao asked his father.....he knew My Son.
a. whether b. of c. from d. whenever
8. The lampin China is five dollars.
a. make b. made c. to make d. making
9. The Statue of Liberty.....to the USA in 1876.
a. is presented b. would presented c. was presented d. has been presented
10. All the information found in a library is now.....in a computer.
a. kept b. put c. stayed d. stored
11. Which group do shoes belong to? – Put them in
a. fabric b. metal c. leather d. glass
12. People use first aidorder to ease the victim’s pain
a. in b. as c. on d. at
13. Do you mind if I.....here?
a. sit b. sitting c. sat d. to sit
14. He is very keenpottery
a. at b. in c. on d. with
15. LanTV at eight o’clock last night
a. is watching b. was watching c. watched d .watches
16. When Ihome, my mother was waiting for me
a. arrive b. arrived c. was arrive d. arriving
17. It rained while the plane.....to Ha Noi
a. is getting b. got c. was getting d. gets
18. Nam is always.....TV
a. watches b. watching c. watched d. to watch
19. The Statue of Liberty wasto the United States by France in 1876
a. completed b. constructed c. presented d. made
20. Ba is fondcrowded places
a. of b. at c. off d. in
21. My Dadfor this company since 2001.
a. works b. worked c. has worked d. have worked
22. Ba lovessoccer.
a. play b. to play c. played d. playing
23. John is interestedswimming.
a. at b. in c. on d. with
24. The lamp.....in China is 2 dollars.
a. make b. to make c. made d. making
25. We leave.....May28th
a. in b. at c. on d. to
26. Would you mind.....this letter for me?
a. post b. posting c. to post d. posted

27. He was eating when the milkman
- a. comes b. came c. come d. to come
28. She.....at 11a.m last Tuesday.
- a. cooks b. to cook c. was cooking d. cooked
29. Would you mind if I on the radio?
- a. turn b. turned c. turning d. to turn
30. The manover there is my boss.
- a. stands b. standing c. stood d. to stand
31. Compost is a wonderful natural.....
- a. garbage b. material c. fertilizer d. tea leaves
32.is a piece of land that is surrounded by water.
- a. Sea level b. Island c. Cave d. Bay
33.is medical help that you give to somebody who is hurt or ill before the doctor arrives.
- a. Emergency b. First aid c. Ambulance d. Fainting
34.is studying again something that you have learnt, before an exam.
- a. Preparation b. Recycling c. Revision d. Description
35.is the grounds and buildings of a university or college.
- a. Campus b. Highlands c. Valley d. Bay
36.is a long thin piece of cloth or paper used for tying round and protecting a wound.
- a. Water packs b. Bandage c. Handkerchief d. Blanket
37.the patient's feet, or lower his/her head below the level of the heart.
- a. Elevate b. Cool c. Cover d. Overheat
38.is used to check one's eyesight.
- a. Eye-shade b. Eyeglass c. Eye piece d. Eye chart
39. The other name of Chicago is the
- a. Rainy city b. Snowy city c. Windy city d. Cloudy city
40. This film isa true story.
- a. based on b. found out c. showed around d. made into]
41. is a machine that prints words from a computer.
- a. Printer b. Monitor screen c. Input tray d. Bulletin board
42. Angkor Wat was originally builtHindus.
- a. of b. for c. on d. to
43. Jame likes climbing mountain. He has just joined a.....club.
- a. climb-mountain b. climbing-mountain c. mountain-climbing d. mountain-climb
44.is a person whose job is put in and repair things like water pipes and baths.
- a. Plumber b. Gardener c. Florist d. Inventor
45.is hot liquid rock that comes out of a volcano.
- a. Limestone b. Lava c. Marble d. Ice
46.is a building or room where people can go to look at paintings.
- a. Gallery b. Library c. University d. Gym
47.is a place where a lot of people go on holiday.
- a. Island b. Beach c. Bay d. Resort
48. The flightat 6.10 has been delayed.
- a. leave b. leaves c. leaving d. left
49.is a chair with wheels for somebody who can't walk.
- a. Stretcher b. Ambulance c. Wheelchair d. Crutch
50. She covered her kneesblanket.

75. Would you mind if I a photo?
 a. takes b. take c. took d. taken
76. The festival was held in the communal house yard.
 a. rice - cook b. rice – cooking c. rice – cooker d. rice – cooked
77. He has worked with the computer early morning.
 a. for b. from c. since d. until
78. It is dangerous in this river.
 a. swim b. swam c. swimming d. to swim
79. Sa Pa, located in the north of Viet Nam, is a mountainous
 a. resort b. beach c. wonder d. hotel
80. The train at the station yet.
 a. didn't arrive b. hasn't arrived c. isn't arriving d. doesn't arrive
81. It's easy the exercise 2 .
 a. understands b. to understand c. understanding d. understood .
82. Would you mind if I down? .
 a. sit b. sitting c. sat d. to sit .
83. People use first-aid ease the victim's pain and anxiety .
 a. so to as b. in order to c. so as to d. b and c are correct.
84. The Le family was sleeping the mailman came.
 a. when b. while c. for d. to.
85. Mount Rushmore from more than 100 kilometers away.
 a. see b. saw c. can be seen d. seeing.
86. It is a contest in which participants have to cook rice. It's a contest.
 a. cook - rice b. water-fetching c. rice-cook d. rice- cooking.
87. Nhi decided for a walk .
 a. go b. to go c. going d. goes.
88. Every milk bottle can be thirty times .
 a. reused b. to reuse c. reduced d. reducing
89. Would you mind in the front seat of the taxi?
 a. to sit b. sitting c. sits d. sat
90. contest in which people have to fetch water from the river is called a contest.
 a. water-fetching b. water - fetch c. fetching - water d. fetch - water
91. The Pyramid of Cheops is one of the seven in the world.
 a. temples b. pogoda c. churches d. wonders
92. When the phone rang , I
 a. sleep b. sleeping c. was sleeping d. slept
93. I asked him he liked coffee .
 a. what b. which c. when d. whether
94. The boy next to Hoa is a new comer.
 a. sit b. to sit c. sitting d. sits
95. We have lived in Nam Dinh over 20 years
 a. in b. for c. from d. since
96. Would you mind if I on the radio?
 a. turn b. turning c. turned d. will turn
97. The poem by Clement Clarke Moore became popular in the USA.
 a. write b. writes c. writing d. written
98. An contest will be held at my school next week.
 a. English – speak b. English – spoken c. English – speaking d. English – spoke
99. have you studied English? ~ For 3 years.

- a. How long b. How much c. How often d. How many
100. "Mrs. Lan: "Could you give me a cup of water?" ~ "Hoa:"
- a. Yes, please b. Sure. Here you are c. I hope so d. I'm glad. Thanks
101. Presents in colored paper and put under the Christmas tree.
- a. are wrapped b. are wrap c. are wraped d. are wrapping
102. is a religious song that people sing at Christmas.
- a. Carol b. Poem c. Christmas card d. Patron saint
103. Jack his homework between 8 pm and 9 pm.
- a. did b. was doing c. made d. was making
104. is an area of land between hills or mountains.
- a. Valley b. Beach c. Bay d. Island
105. Do you mind I leave early?
- a. if b. when c. that d. θ
106. Eight hundred years ago, Christmas songs performed for people in towns and villages.
- a. are b. were c. will be d. have been
107. In the fire-making contest, the fire is made in the way.
- a. traditional b. tradition c. traditionally d. traditionalism
108. "Do you want to visit Dien Bien Phu, Linda?"-- Nam asked Linda to visit Dien Bien Phu.
- a. if she wanted b. if he wanted c. if she wants d. if he wants
109. I think playing in the rain is
- a. danger b. endanger c. dangerous d. dangerously
110. Angkor Wat now is a famous tourist
- a. attract b. attractive c. attraction d. attractively
111. The heads of four American presidents are into the rock at Mount Rushmore.
- a. painted b. built c. seen d. carved
112. I asked him..... the flowers in the garden.
- a. water b. to water c. watered d. be watered
113. He asked me if.....
- a. I am a student b. am I a student c. was I a student d. I was a student
114. Many people..... that there were other wonders, which the ancient Greeks knew nothing about.
- a. claim b. ask c. wonder d. suggest
115. George showed me some pictures.....by his father.
- a. paint b. painting c. that painted d. painted

30. Put the verbs in the correct form:

1. Mary (watch).....TV at 9 o'clock yesterday.
2. John (play).....soccer while I (swim).....
3. The light (go out).....while we (have).....dinner.
4. Don't forget (turn off).....the lights before (go).....out.
5. We were hungry, so I suggested (have).....dinner early.
6. Nga told Hoa how (get).....there.
7. Mr Thanh (teach).....in this school since 1998.
8. Tram father (buy).....her a new bike two weeks ago.
9.you (do).....your homework yet?
10. Yes, I (already/do).....it.
11. Phong showed Ba where (buy).....ticket.
- 12 This is the second time you (break).....a cup.
13. (you/do) the homework yet?
14. The gate(lock) at 6.30 p.m everyday.
15. Mrs Nga (just/buy).....a new car.

- 16. Mr Thanh (not/drive).....to work this morning.
- 17. Lan is always (talk).....on the phone.
- 18. The vase of flowers (paint).....blue.
- 19. Next summer vacation, my family intend (visit).....Phong Nha cave.
- 20. The boy (take).....some photos is my son.

31. Rewrite the following sentences so that the meanings stay the same.

- 1. Keeping the environment clean is very important. ↪ It's.....
- 3. It's three years since I last spoke to her. ↪ I haven't.....
- 4. How long is it since you used the car? ↪ When
- 5. We started living here 15 years ago. ↪ We have.....
- 6. We can't drink the water because it's too hot. ↪ The water isn't.....
- 7. It has been raining for five hours. ↪ It started.....
- 8. To help mom at home is a good activity. ↪ It is.....
- 9. I started learning English three years ago. ↪ I have.....
- 10. Could you give me that book? ↪ Would you mind.....
- 11. Sue is the most intelligent in her class. ↪ No one.....
- 12. "Can you close the door for me?" Mai said to Minh. ↪ Mai asked Minh.....
- 13. No one has used this room for years. ↪ This room.....
- 14. This question is difficult to understand. ↪ It's.....
- 15. Many people in the world speak English. ↪ English.....